**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: /2024/TT-NHNN *Hà Nội, ngày tháng năm 2024*

**THÔNG TƯ**

**DỰ THẢO**

**13.3.2024**

**Quy định về hoạt động cho thuê tài chính của**

**tổ chức tín dụng phi ngân hàng**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 06 tháng 02 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hoạt động cho thuê tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về hoạt động cho thuê tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được quy định tại khoản 41 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, bao gồm công ty tài chính tổng hợp, công ty cho thuê tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty tài chính tổng hợp* là loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng được quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. *Công ty cho thuê tài chính* là loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng được thực hiện hoạt động cho thuê tài chính theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 120 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. *Hoạt động cho thuê tài chính* là việc cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính và phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được nhận chuyển quyền sở hữu tài sản cho thuê hoặc tiếp tục thuê theo thỏa thuận của hai bên;

b) Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản cho thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản cho thuê tại thời điểm mua lại;

c) Thời hạn cho thuê một tài sản phải ít nhất bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản cho thuê đó;

d) Tổng số tiền thuê một tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính ít nhất phải bằng giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.

4. *Cho thuê tài chính* là hoạt động cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính giữa bên cho thuê tài chính với bên thuê tài chính. Bên cho thuê tài chính cam kết mua tài sản cho thuê tài chính theo yêu cầu của bên thuê tài chính và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê tài chính trong suốt thời hạn cho thuê. Bên thuê tài chính sử dụng tài sản thuê tài chính và thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính.

5. *Tài sản cho thuê tài chính* là các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ tàu thuyền, tàu bay) không thuộc danh mục cấm mua, bán, xuất, nhập khẩu theo quy định.

6. *Bên cho thuê tài chính (bao gồm cả Bên mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính)* là công ty tài chính tổng hợp, công ty cho thuê tài chính được phép thực hiện cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật.

7. *Bên thuê tài chính (bao gồm cả Bên bán và thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính)* là pháp nhân, cá nhân hoạt động tại Việt Nam thực hiện thuê tài chính và sử dụng tài sản thuê theo mục đích, phương án sử dụng tài sản thuê tài chính (trong trường hợp phải có phương án sử dụng tài sản cho thuê tài chính khả thi khi đề nghị thuê tài chính) đã được tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấp thuận cho thuê tài chính (sau đây gọi là khách hàng).

Đối với hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân, khi tham gia quan hệ thuê tài chính thì các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch thuê tài chính hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch thuê tài chính.

8. *Hợp đồng cho thuê tài chính* là hợp đồng được ký giữa bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính về việc cho thuê tài chính đối với một hoặc một số tài sản cho thuê theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

9. *Tiền thuê tài chính* là số tiền mà bên thuê tài chính phải trả cho bên cho thuê tài chính theo thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính. Tiền thuê tài chính bao gồm nợ gốc được xác định trên cơ sở giá mua tài sản cho thuê tài chính, các chi phí hợp pháp liên quan đến việc mua tài sản đó và tiền lãi thuê được tính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của tổ chức tín dụng.

10. *Mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính* (sau đây gọi là mua và cho thuê lại) là việc bên cho thuê là công ty cho thuê tài chính mua máy móc, thiết bị hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu của bên thuê và cho bên thuê thuê lại chính các tài sản đó theo hình thức cho thuê tài chính để bên thuê tiếp tục sử dụng phục vụ cho hoạt động của mình. Trong giao dịch mua và cho thuê lại, bên thuê đồng thời là bên cung ứng tài sản cho thuê.

11. *Thời hạn cho thuê tài chính* là khoảng thời gian được tính từ khi bên thuê tài chính bắt đầu nhận nợ tiền thuê tài chính cho đến thời điểm trả hết tiền thuê tài chính đã được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính.

12. *Kỳ hạn trả nợ tiền thuê tài chính* là các khoảng thời gian trong thời hạn cho thuê tài chính đã được thỏa thuận giữa bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó bên thuê tài chính phải trả một phần hoặc toàn bộ số tiền thuê tài chính cho bên cho thuê tài chính.

13. *Cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính* là việc bên cho thuê tài chính chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đối với các khoản nợ tiền thuê tài chính của bên thuê tài chính khi bên thuê tài chính không có khả năng trả nợ tiền thuê tài chính theo thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính như sau:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ tiền thuê tài chính là việc bên cho thuê tài chính chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ số tiền trả nợ gốc và/hoặc tiền lãi thuê của kỳ hạn trả nợ trong phạm vi thời hạn cho thuê tài chính đã thỏa thuận, thời hạn cho thuê tài chính không thay đổi;

b) Gia hạn nợ là việc bên cho thuê tài chính chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc tiền lãi thuê, vượt quá thời hạn cho thuê tài chính đã thỏa thuận.

**Điều 4. Nguyên tắc cho thuê tài chính**

1. Hoạt động cho thuê tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với khách hàng được thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng phi ngân hàng và khách hàng, phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khách hàng thuê tài chính tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải đảm bảo sử dụng tài sản thuê đúng mục đích, hoàn trả tiền thuê tài chính đúng thời hạn, thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận theo hợp đồng cho thuê tài chính, quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH**

**Điều 5. Điều kiện bên thuê tài chính**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng xem xét, quyết định cho thuê tài chính khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật. Khách hàng là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Thuê tài sản cho thuê tài chính để sử dụng vào mục đích hợp pháp;

c) Có phương án sử dụng tài sản cho thuê tài chính khả thi;

d) Có khả năng tài chính đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng cho thuê tài chính;

đ) Đối với tổ chức Việt Nam và nước ngoài, thời hạn cho thuê tài chính không quá thời hạn hoạt động còn lại theo quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động tại Việt Nam; đối với cá nhân nước ngoài, thời hạn cho thuê tài chính không vượt quá thời hạn được phép cư trú còn lại tại Việt Nam.

2. Đối với các khoản cho thuê tài chính có mức giá trị nhỏ từ dưới 100 triệu đồng Việt Nam, tổ chức tín dụng phi ngân hàng xem xét, quyết định cho thuê tài chính khi khách hàng khách hàng đáp ứng tối thiểu các điều kiện quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 1 Điều này.

**Điều 6. Hồ sơ đề nghị thuê tài chính**

Khi khách hàng có nhu cầu thuê tài chính, khách hàng phải gửi cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thuê tài chính và các tài liệu sau:

1. Các tài liệu chứng minh đủ điều kiện thuê tài chính theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Thông tin về người có liên quan với khách hàng, bao gồm:

a) Thông tin về người có liên quan với khách hàng thuộc những trường hợp không được cấp tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Thông tin về người có liên quan với khách hàng thuộc trường hợp hạn chế cấp tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Tại thời điểm đề nghị thuê tài chính, trường hợp khách hàng có dư nợ cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng từ 10 tỷ đồng trở lên (bao gồm cả dư nợ mà khách hàng đang đề nghị thuê tài chính tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng), khách hàng phải cung cấp thông tin về người có liên quan quy định tại điểm a, b, c, d, e, f, g khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (trừ các trường hợp đã được cung cấp thông tin tại điểm a, b khoản này);

d) Các thông tin phải cung cấp về người có liên quan với khách hàng quy định tại điểm a, b, c khoản này như sau:

(i) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ, tên, số định danh cá nhân đối với công dân Việt Nam; Quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với khách hàng;

(ii) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với khách hàng.

**Điều 7. Cung cấp thông tin**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác cho bên thuê tài chính trước khi ký hợp đồng cho thuê tài chính về: lãi suất cho thuê tài chính, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho thuê tài chính có điều chỉnh, các loại và mức chi phí áp dụng để bên thuê tài chính xem xét quyết định việc ký kết hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Khi thực hiện thuê tài chính với tổ chức tín dụng phi ngân hàng, bên thuê tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu gửi cho bên cho thuê tài chính, cụ thể:

a) Các thông tin, tài liệu quy định tại Điều 6 Thông tư này khi đề nghị thuê tài chính;

b) Báo cáo việc sử dụng tài sản cho thuê tài chính và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh tài sản cho thuê tài chính được sử dụng đúng mục đích trong thời gian thuê tài chính theo yêu cầu của bên cho thuê tài chính.

**Điều 8. Lãi suất cho thuê tài chính**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho thuê tài chính theo cung cầu vốn thị trường, tài sản cho thuê tài chính và mức độ tín nhiệm của khách hàng. Mức lãi suất cho thuê tài chính được tính theo tỷ lệ %/năm.

2. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ tiền thuê tài chính theo hợp đồng, thì khách hàng phải trả lãi tiền thuê tài chính như sau:

a) Lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, theo lãi suất quá hạn do bên cho thuê tài chính thỏa thuận với bên thuê tài chính trong hợp đồng cho thuê tài chính nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho thuê tài chính trong hạn áp dụng ngay trước thời điểm chuyển sang nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc đó.

b) Trường hợp bên thuê tài chính không trả tiền lãi thuê đúng hạn, bên thuê tài chính còn phải trả cho bên cho thuê tài chính tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số tiền lãi thuê chậm trả trong thời gian chậm trả.

3. Trường hợp áp dụng lãi suất cho thuê tài chính điều chỉnh, bên cho thuê tài chính và khách hàng phải thỏa thuận nguyên tắc và các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh, thời điểm điều chỉnh lãi suất cho thuê tài chính. Trường hợp căn cứ các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh dẫn đến có nhiều mức lãi suất cho thuê tài chính khác nhau, thì bên cho thuê tài chính áp dụng mức lãi suất cho thuê tài chính thấp nhất.

**Điều 9. Phí liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính**

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng và khách hàng thỏa thuận về việc thu các khoản phí liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính, gồm:

1. Phí thu xếp để thực hiện ký kết hợp đồng hợp vốn cho thuê tài chính giữa các bên cho thuê tài chính tham gia cho thuê tài chính hợp vốn với bên thuê. Mức phí thu xếp hợp đồng hợp vốn cho thuê tài chính do các bên cho thuê tài chính và bên thê tài chính thỏa thuận.

2. Các loại phí khác liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

**Điều 10. Đồng tiền sử dụng trong cho thuê tài chính**

1. Bên cho thuê tài chính thực hiện cho thuê tài chính bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp được cho thuê tài chính bằng ngoại tệ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nguyên tắc cho thuê tài chính bằng ngoại tệ

a) Bên cho thuê tài chính thanh toán tiền nhập khẩu tài sản cho thuê tài chính với bên cung ứng bằng ngoại tệ; Bên thuê tài chính nhận nợ, thanh toán tiền thuê tài chính bằng ngoại tệ;

b) Bên thuê tài chính sử dụng tài sản thuê để phục vụ sản xuất, kinh doanh;

c) Bên thuê tài chính có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ tiền thuê tài chính.

**Điều 11. Thẩm định và quyết định cho thuê tài chính**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện thuê tài chính của khách hàng theo quy định tại Điều 5 Thông tư này để xem xét quyết định cho thuê tài chính. Trong quá trình thẩm định, tổ chức tín dụng phi ngân hàng được sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, kết hợp với các thông tin tại Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam, các kênh thông tin khác.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải tổ chức xét duyệt cho thuê tài chính theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho thuê tài chính.

3. Trường hợp quyết định không đồng ý cho khách hàng thuê tài chính, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải thông báo cho khách hàng lý do khi khách hàng có yêu cầu.

**Điều 12. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính**

Bên cho thuê tài chính xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính trên cơ sở đề nghị của bên thuê tài chính, đánh giá khả năng trả nợ tiền thuê tài chính của bên thuê tài chính và khả năng tài chính của mình như sau:

1. Bên thuê tài chính không có khả năng trả nợ tiền thuê tài chính đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc tiền lãi thuê trong phạm vi thời hạn cho thuê đã thoả thuận và được bên cho thuê tài chính đánh giá là có khả năng trả được đầy đủ nợ gốc và/hoặc tiền lãi thuê theo kỳ hạn trả nợ tiền thuê tài chính được điều chỉnh, thì bên cho thuê tài chính xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc tiền lãi thuê phù hợp với nguồn trả nợ của bên thuê tài chính.

2. Bên thuê tài chính không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc tiền lãi thuê đúng thời hạn cho thuê tài chính đã thoả thuận và được bên cho thuê tài chính đánh giá là có khả năng trả được đầy đủ nợ gốc và/hoặc tiền lãi thuê trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho thuê tài chính, thì bên cho thuê tài chính xem xét cho gia hạn thời hạn cho thuê tài chính phù hợp với nguồn trả nợ của bên thuê tài chính.

3. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận.

**Điều 13. Nợ quá hạn**

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo hợp đồng cho thuê tài chính và không được bên cho thuê tài chính chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; thông báo cho khách hàng về việc chuyển nợ quá hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

**Điều 14. Bên cho thuê tài chính có các quyền**

1. Có quyền sở hữu tài sản cho thuê trong suốt thời hạn cho thuê và không bị ảnh hưởng trong trường hợp bên thuê phá sản, giải thể hoặc có tranh chấp, khởi kiện trước Tòa án liên quan đến một bên thứ ba khác. Tài sản cho thuê không được coi là tài sản của bên thuê khi xử lý tài sản để trả nợ cho các chủ nợ khác.

2. Có quyền gắn ký hiệu sở hữu của bên cho thuê trên tài sản cho thuê trong suốt thời hạn cho thuê.

3. Có quyền thỏa thuận với bên thuê tài chính về việc thực hiện các biện pháp bảo đảm theo quy định pháp luật.

4. Có quyền yêu cầu bên thuê báo cáo việc sử dụng tài sản cho thuê tài chính và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh tài sản cho thuê tài chính được sử dụng đúng mục đích trong thời gian thuê tài chính theo yêu cầu của bên cho thuê tài chính và cung cấp các thông tin khác có liên quan đến bên thuê và tài sản cho thuê theo thỏa thuận.

5. Có quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản cho thuê tài chính, trả nợ.

6. Chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình trong hợp đồng cho thuê tài chính cho một bên cho thuê tài chính khác. Trong trường hợp này, bên cho thuê tài chính phải thông báo trước bằng văn bản cho bên thuê tài chính.

7. Yêu cầu bên thuê tài chính bồi thường thiệt hại khi bên thuê tài chính vi phạm các điều khoản, điều kiện theo quy định của hợp đồng cho thuê tài chính.

8. Có quyền chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính, thu hồi tài sản cho thuê trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính, hợp đồng bảo đảm và yêu cầu bên thuê tài chính thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn lại và các chi phí phát sinh do chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn.

9. Có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo đảm bên cho thuê tài chính thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với tài sản cho thuê tài chính.

10. Có quyền thu hồi đối với tài sản cho thuê tài chính bị hỏng không thể phục hồi, sửa chữa, yêu cầu bên thuê tài chính thanh toán tiền thuê còn lại và các chi phí phát sinh đối với việc thu hồi tài sản cho thuê.

11. Được cho vay bắt buộc đối với bên thuê tài chính để xử lý các chi phí nhằm thu hồi tài sản cho thuê khi bên thuê tài chính vi phạm hợp đồng cho thuê tài chính và không tự nguyện bàn giao tài sản.

12. Các quyền khác theo quy định pháp luật và hợp đồng cho thuê tài chính.

**Điều 15. Bên cho thuê tài chính có nghĩa vụ**

1. Đánh giá năng lực tài chính, uy tín của bên cung ứng hoạt động hợp pháp; tài sản cho thuê tài chính bao gồm đặc tính kỹ thuật, chủng loại, giá cả, thời hạn giao nhận, lắp đặt, bảo hành; tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, các điều kiện về cho thuê tài chính, mục đích sử dụng tài sản cho thuê và khả năng trả nợ của bên thuê tài chính.

2. Mua, nhập khẩu tài sản cho thuê theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng cho thuê tài chính.

3. Đăng ký quyền sở hữu, làm thủ tục mua bảo hiểm đối với tài sản cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Bên cho thuê tài chính không chịu trách nhiệm về việc tài sản cho thuê tài chính không được giao hoặc giao không đúng với các điều kiện do bên thuê thỏa thuận với bên cung ứng.

5. Bảo đảm cho bên thuê tài chính quyền sử dụng tài sản thuê ổn định, không để xảy ra tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản thuê.

6. Thực hiện đầy đủ, đúng các điều khoản, điều kiện khác quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính.

**Điều 16. Bên thuê tài chính có quyền**

1. Nhận và sử dụng tài sản thuê tài chính theo quy định của hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Quyết định việc mua tài sản hoặc tiếp tục thuê sau khi kết thúc thời hạn thuê.

3. Yêu cầu bên cho thuê tài chính bồi thường thiệt hại khi bên cho thuê tài chính vi phạm các điều khoản, điều kiện theo quy định của hợp đồng cho thuê tài chính.

4. Có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản thuê mà bên thuê tài chính không được sử dụng tài sản ổn định.

5. Không chịu trách nhiệm về những hao mòn tự nhiên do sử dụng tài sản thuê.

6. Bên thuê tài chính có thể tu sửa và làm tăng giá trị tài sản thuê, nếu được bên cho thuê tài chính đồng ý và có quyền yêu cầu bên cho thuê tài chính thanh toán chi phí hợp lý.

7. Các quyền khác theo quy định pháp luật và hợp đồng cho thuê tài chính.

**Điều 17. Bên thuê tài chính có nghĩa vụ**

1. Chịu trách nhiệm đối với việc lựa chọn tài sản thuê, bên cung ứng, các điều khoản, điều kiện liên quan đến tài sản thuê, bao gồm cả đặc tính kỹ thuật, chủng loại, giá cả, thời hạn giao nhận, lắp đặt, bảo hành tài sản thuê và các điều khoản, điều kiện khác có liên quan đến tài sản thuê tài chính.

2. Sử dụng tài sản thuê tài chính đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính; không được bán, chuyển quyền sử dụng tài sản thuê tài chính cho cá nhân, tổ chức khác, trừ trường hợp bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính có thỏa thuận khác trong hợp đồng cho thuê tài chính.

3. Báo cáo về việc sử dụng tài sản cho thuê tài chính và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh tài sản cho thuê tài chính được sử dụng đúng mục đích trong thời gian thuê tài chính theo yêu cầu của bên cho thuê tài chính; tạo điều kiện để bên cho thuê tài chính kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản thuê tài chính và trả nợ.

4. Trả tiền thuê tài chính và thanh toán các chi phí khác có liên quan đến tài sản thuê tài chính theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính.

5. Chịu mọi rủi ro về việc tài sản thuê tài chính bị mất, chịu mọi chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế tài sản thuê tài chính trong thời hạn thuê (trừ những hao mòn tự nhiên do sử dụng tài sản thuê) và chịu trách nhiệm về mọi hậu quả do việc sử dụng tài sản thuê tài chính gây ra đối với tổ chức, cá nhân khác trong quá trình sử dụng tài sản thuê tài chính.

6. Không được tẩy, xóa, làm hỏng ký hiệu sở hữu của bên cho thuê tài chính gắn trên tài sản thuê.

7. Không được dùng tài sản thuê tài chính để thế chấp, cầm cố hoặc để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khác.

8. Thanh toán đầy đủ số tiền thuê tài chính còn lại và các chi phí phát sinh khi tài sản thuê tài chính bị mất, hỏng không thể phục hồi, sửa chữa được hoặc khi chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn do bên thuê vi phạm các điều khoản, điều kiện là căn cứ chấm dứt hợp đồng được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính.

9. Phải nhận nợ bắt buộc đối với số tiền bên cho thuê cho vay bắt buộc để xử lý các chi phí nhằm thu hồi tài sản cho thuê tài chính khi bên thuê vi phạm hợp đồng cho thuê tài chính và không tự nguyện bàn giao tài sản cho thuê tài chính.

10. Thực hiện đầy đủ, đúng các điều khoản, điều kiện khác đã quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính.

**Điều 18. Hợp đồng cho thuê tài chính**

1. Hợp đồng cho thuê tài chính là thỏa thuận giữa bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính về việc cho thuê tài chính theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan. Hợp đồng cho thuê tài chính là hợp đồng không hủy ngang.

2. Hợp đồng cho thuê tài chính phải được lập thành văn bản phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự và phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính;

b) Điều kiện cho thuê tài chính;

c) Tên, đặc tính kỹ thuật, chủng loại, giá cả, thời hạn giao nhận, lắp đặt, bảo hành tài sản thuê, chất lượng của tài sản thuê, các điều khoản, điều kiện khác có liên quan đến tài sản thuê;

d) Mục đích sử dụng tài sản thuê;

đ) Tiền thuê tài chính, thời điểm nhận nợ tiền thuê tài chính; mức lãi suất cho thuê tài chính; nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho thuê tài chính có điều chỉnh; loại phí và mức phí áp dụng; các chi phí theo quy định của pháp luật;

e) Thời hạn cho thuê tài chính và kỳ hạn trả nợ tiền thuê tài chính;

f) Thỏa thuận về việc chuyển nợ gốc quá hạn, thông báo về chuyển nợ gốc quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn, lãi suất áp dụng đối với tiền lãi thuê chậm trả;

g) Quyền và nghĩa vụ của các bên, xử lý trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn theo quy định của Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan;

h) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;

i) Phương thức giải quyết tranh chấp;

k) Các nội dung khác của hợp đồng cho thuê tài chính do bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính thỏa thuận phù hợp theo quy định pháp luật.

3. Hợp đồng cho thuê tài chính có hiệu lực từ ngày được các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính.

**Điều 19. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

1. Bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính được thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật đối với trường hợp bên cho thuê tài chính, bên thuê tài chính không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 Thông tư này.

2. Bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính có thể thoả thuận về việc bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm mà không phải bồi thường thiệt hại hoặc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại.

Trường hợp bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính có thoả thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm.

**Điều 20. Chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn**

1. Hợp đồng cho thuê tài chính có thể chấm dứt trước hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Bên cho thuê tài chính chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 103 Luật Các tổ chức dụng;

b) Tài sản cho thuê tài chính bị mất, hỏng không thể phục hồi sửa chữa;

c) Bên cho thuê tài chính vi phạm một trong các điều khoản, điều kiện là căn cứ chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính, được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính;

d) Bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính đồng ý để bên thuê tài chính thanh toán toàn bộ tiền thuê tài chính còn lại trước thời hạn thuê quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính;

đ) Các trường hợp chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn theo quy định pháp luật và hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính quy định cụ thể trong hợp đồng cho thuê tài chính việc chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc xử lý hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 21. Xử lý hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn**

1. Trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 20 Thông tư này, việc xử lý tiền thuê được thực hiện như sau:

a) Bên thuê tài chính phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê còn lại tại thời điểm chấm dứt trước hạn hợp đồng cho thuê tài chính, bao gồm:

(i) Nợ gốc còn lại;

(ii) Tiền lãi thuê còn lại phải trả theo hợp đồng cho thuê tài chính từ thời điểm chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn đến thời điểm kết thúc hợp đồng cho thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính. Trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính không có quy định và các bên không có thỏa thuận khác thì tiền lãi thuê còn lại phải trả được tính theo lãi suất trong hạn tại thời điểm gần nhất trước thời điểm chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn;

(iii) Tiền lãi thuê trong hạn, tiền lãi thuê quá hạn chưa trả tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn (nếu có);

(iv) Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn (nếu có);

b) Trường hợp bên thuê tài chính không thanh toán được hoặc không thanh được đủ số tiền nợ gốc còn lại quy định tại điểm a(i) khoản này, bên thuê tài chính còn phải trả lãi chậm trả đối với số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán như sau:

A = B - C

Trong đó:

A: Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán đối với số dư nợ gốc còn lại quy định tại điểm a(i) khoản này chưa thanh toán.

B: Tiền lãi thuê trên số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán quy định tại điểm a(i) khoản này theo lãi suất chậm trả tính đến thời điểm trả hết số tiền nợ gốc. Lãi suất chậm trả do bên cho thuê tài chính thỏa thuận với bên thuê tài chính nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho thuê tài chính trong hạn tại thời điểm gần nhất trước thời điểm chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn.

 C: Tiền lãi thuê trên số dư nợ gốc còn chưa thanh toán quy định tại điểm a(i) khoản này theo lãi suất trong hạn của hợp đồng cho thuê tài chính tính đến thời điểm trả hết số tiền nợ gốc. Trường hợp, bên thuê tài chính không trả hết số tiền nợ gốc trước thời điểm kết thúc hợp đồng cho thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính thì C bằng tiền lãi thuê trên số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán theo lãi suất trong hạn của hợp đồng cho thuê tài chính tính đến thời điểm kết thúc hợp đồng cho thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 20 Thông tư này, việc xử lý tiền thuê được thực hiện theo hợp đồng cho thuê tài chính và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Xử lý tài sản cho thuê

Việc xử lý tài sản cho thuê trong trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn quy định khoản 1 Điều 20 Thông tư này, bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính thực hiện theo quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 22. Kiểm tra, giám sát cho thuê tài chính**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản cho thuê tài chính và trả nợ của khách hàng thuê tài chính; có quyền yêu cầu khách hàng thuê tài chính báo cáo việc sử dụng tài sản cho thuê tài chính và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh tài sản cho thuê tài chính được sử dụng đúng mục đích.

2. Đối với khoản cho thuê tài chính có giá trị nhỏ quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản cho thuê tài chính và trả nợ của khách hàng thuê tài chính; có quyền yêu cầu khách hàng thuê tài chính báo cáo việc sử dụng tài sản cho thuê tài chính và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh tài sản cho thuê tài chính được sử dụng đúng mục đích.

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng ban hành quy định nội bộ về thực hiện kiểm tra, giám sát tài sản cho thuê tài chính và trả nợ của khách hàng thuê tài chính quy định tại khoản này.

3. Khách hàng thuê tài chính có nghĩa vụ sử dụng tài sản cho thuê tài chính đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi, phí đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận; báo cáo và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng tài sản cho thuê tài chính đúng mục đích theo yêu cầu của bên cho thuê tài chính.

**Điều 23. Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê tài chính**

Trong thời hạn cho thuê tài chính, bên cho thuê tài chính nắm giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê. Bên thuê tài chính được sử dụng bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các quan hệ pháp luật liên quan đến việc sử dụng tài sản thuê tài chính.

**Điều 24. Đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính**

Việc đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Quy định nội bộ**

1. Căn cứ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng phi ngân hang ban hành quy định nội bộ về cho thuê tài chính, bao gồm quy định về cho thuê tài chính bằng phương tiện điện tử (nếu có), quản lý tài sản cho thuê tài chính phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (sau đây gọi là quy định nội bộ về cho thuê tài chính).

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện hoạt động cho thuê tài chính phải ban hành quy định nội bộ về cho thuê tài chính được thực hiện trong toàn hệ thống và phải bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro trong hoạt động cho thuê tài chính của bên cho thuê tài chính. Quy định này tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

a) Tiêu chí xác định một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định, chính sách cho thuê tài chính đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan, quy định về quy trình thẩm định, phê duyệt và quyết định cho thuê tài chính, nguyên tắc phân cấp, ủy quyền và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thẩm định, quyết định, phê duyệt cho thuê tài chính, cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính đối với bên thuê tài chính;

b) Điều kiện cho thuê tài chính, các trường hợp không được cho thuê tài chính, hạn chế cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật, các loại tài sản không được cho thuê tài chính; lãi suất cho thuê tài chính và phương pháp tính tiền lãi thuê; hồ sơ cho thuê tài chính và các tài liệu của bên thuê tài chính gửi bên cho thuê tài chính phủ họp với đặc điểm của tài sản cho thuê tài chính và đối tượng khách hàng; thu nợ; điều kiện để được xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính, chuyển nợ quá hạn;

c) Quy định về việc phân tán rủi ro trong hoạt động cho thuê tài chính; phương pháp theo dõi, quản lý và việc phê duyệt, quyết định cho thuê tài chính đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan ở mức từ 1% vốn tự có của bên cho thuê tài chính, đảm bảo công khai, minh bạch giữa khâu thẩm định, cho thuê tài chính và cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính, ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa người thẩm định, người quyết định cho thuê tài chính và khách hàng là người có liên quan của những người này;

d) Nguyên tắc, chỉ tiêu đánh giá, xác định mức độ rủi ro cho thuê tài chính đối với các đối tượng khách hàng, lĩnh vực mà bên cho thuê tài chính ưu tiên hoặc hạn chế cấp tín dụng làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh hàng năm, các biện pháp quản lý rủi ro cho thuê tài chính đối với bên thuê tài chính;

đ) Quy trình kiểm tra, giám sát quá trình cho thuê tài chính, sử dụng tài sản cho thuê tài chính và trả nợ tiền thuê tài chính của bên thuê tài chính (bao gồm cả các khoản cho thuê tài chính có giá trị nhỏ), trong đó bao gồm kiểm soát trước, trong và sau khi cho thuê tài chính; phân cấp, ủy quyền và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc kiểm tra, giám sát quá trình cho thuê tài chính, sử dụng tài sản thuê tài chính và trả nợ tiền thuê tài chính của bên thuê tài chính;

e) Việc xét duyệt cho thuê tài chính và xét duyệt, quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính (bao gồm gia hạn nợ và điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) phải được thực hiện trên nguyên tắc người quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính không là người quyết định cho thuê tài chính, trừ trường hợp việc cho thuê tài chính do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua;

f) Chấm dứt và xử lý hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn; miễn, giảm lãi suất, phí;

g) Nhận dạng các loại rủi ro có thể phát sinh trong quá trình cho thuê tài chính (bao gồm cho thuê tài chính bằng phương tiện điện tử); quy trình theo dõi, đánh giá và kiểm soát rủi ro; phương án xử lý rủi ro;

h) Phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.

**Điều 26. Xét duyệt cho thuê tài chính bằng phương tiện điện tử**

1. Nguyên tắc cho thuê tài chính bằng phương tiện điện tử, nhận biết, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, thẩm định và quyết định cho thuê tài chính, trong hoạt động xét duyệt cho thuê tài chính bằng phương tiện điện tử, tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện theo quy định về nguyên tắc cho vay bằng phương tiện điện tử, nhận biết, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, thẩm định và quyết định cho vay của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

2. Việc xét duyệt cho thuê tài chính bằng phương tiện điện tử áp dụng đối khách hàng là cá nhân thuê tài chính phục vụ nhu cầu đời sống và giá trị khoản cho thuê tài chính không vượt quá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng Việt Nam tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Lưu giữ hồ sơ cho thuê tài chính

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ cho thuê tài chính dưới dạng thông điệp dữ liệu phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật về lưu trữ, pháp luật về giao dịch điện tử và quy định pháp luật có liên quan.

**Chương III**

**QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG MUA VÀ CHO THUÊ LẠI**

**Điều 27. Nguyên tắc mua và cho thuê lại**

1. Giao dịch mua và cho thuê lại phải thực hiện thông qua hợp đồng mua tài sản và hợp đồng cho thuê tài chính giữa bên mua và cho thuê lại và bên bán và thuê lại. Hợp đồng mua tài sản có hiệu lực từ thời điểm hợp đồng cho thuê tài chính có hiệu lực.

2. Trong giao dịch mua và cho thuê lại, bên mua và cho thuê lại nắm giữ quyền sở hữu tài sản cho thuê và cho thuê lại đối với bên bán và thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính theo quy định về cho thuê tài chính tại Thông tư này. Việc chuyển quyền sở hữu tài sản từ bên bán và thuê lại sang bên mua và cho thuê lại thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Bên mua và cho thuê lại lựa chọn tài sản và bên bán và thuê lại có khả năng trả nợ để thực hiện giao dịch mua và cho thuê lại an toàn, hiệu quả.

4. Bên mua và cho thuê lại thực hiện mua và cho thuê lại bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ. Việc mua và cho thuê lại được thực hiện bằng ngoại tệ khi:

a) Tài sản mua và cho thuê lại là tài sản cho thuê tài chính quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này, được nhập khẩu, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên bán và thuê lại, đang hoạt động bình thường và không có tranh chấp;

b) Bên bán và thuê lại đang có dư nợ bằng ngoại tệ tại ngân hàng để nhập khẩu tài sản, hoặc đang còn nợ bằng ngoại tệ chưa thanh toán cho Bên cung ứng nước ngoài;

c) Bên bán và thuê lại sử dụng tài sản mua và cho thuê lại để phục vụ sản xuất, kinh doanh và có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ tiền thuê tài chính;

d) Thanh toán tiền mua tài sản mua và cho thuê lại bằng ngoại tệ:

Bên mua và cho thuê lại tiến hành mua và cho thuê lại khi bên bán và thuê lại xuất trình đầy đủ hồ sơ pháp lý về tài sản. Trường hợp ngân hàng hoặc bên cung ứng nước ngoài quản lý, nắm giữ hồ sơ liên quan đến tài sản thì bên mua và cho thuê lại sẽ thanh toán tiền mua sau khi đã thỏa thuận với ngân hàng hoặc bên cung ứng nước ngoài để nhận lại hồ sơ tài sản khi mua lại tài sản mua và cho thuê lại;

Bên mua và cho thuê lại trả trực tiếp tiền mua tài sản mua và cho thuê lại cho ngân hàng hoặc bên cung ứng nước ngoài bằng ngoại tệ tương ứng với giá trị tài sản đã mua. Trường hợp giá mua lại tài sản lớn hơn dư nợ vay ngân hàng hoặc nợ bên cung ứng nước ngoài, bên mua và cho thuê lại trả bên bán và thuê lại phần chênh lệch bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại do hai bên lựa chọn tại ngày thanh toán;

e) Sau khi bên mua và cho thuê lại thanh toán tiền mua tài sản mua và cho thuê lại, bên bán và thuê lại nhận nợ và thanh toán tiền thuê tài chính bằng ngoại tệ theo quy định hiện hành về cho thuê tài chính.

**Điều 28.** Tài sản mua và cho thuê lại

Khi thực hiện giao dịch mua và cho thuê lại, tài sản mua và cho thuê lại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Phải thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bán và thuê lại.

2. Không có tranh chấp.

3. Không được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác.

4. Đang hoạt động bình thường.

5. Tài sản mua và cho thuê lại là tài sản cho thuê tài chính quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này.

**Điều 29.** Hợp đồng mua tài sản

Hợp đồng mua tài sản phải có các nội dung chính sau đây: tên, địa chỉ của các bên; mục đích mua tài sản; mô tả tài sản; giá mua tài sản; phương thức thanh toán; thời gian, địa điểm thực hiện hợp đồng, phương thức thực hiện hợp đồng; quyền lợi và nghĩa vụ các bên; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng và các nội dung khác theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật về mua bán tài sản.

**Điều 30**. **Quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch mua và cho thuê lại:**

1. Quyền và nghĩa vụ của bên mua và cho thuê lại:

a) Yêu cầu bên bán và thuê lại cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan đến tài sản;

b) Yêu cầu bên bán và thuê lại xuất hóa đơn bán hàng hợp pháp, giao toàn bộ bản gốc giấy tờ sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan của tài sản;

c) Yêu cầu bên bán và thuê lại bồi thường thiệt hại do các tranh chấp phát sinh liên quan đến tài sản và quyền sở hữu tài sản của bên bán và thuê lại;

d) Thanh toán cho bên bán và thuê lại số tiền đã thoả thuận trong hợp đồng mua tài sản;

đ) Thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng mua tài sản.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên bán và thuê lại

a) Nhận tiền bán tài sản do bên mua và cho thuê lại thanh toán theo thoả thuận trong hợp đồng mua tài sản;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực tất cả các thông tin, tài liệu, liên quan đến tài sản theo yêu cầu của bên mua và cho thuê lại;

c) Xuất hoá đơn bán hàng hợp pháp, giao toàn bộ bản gốc giấy tờ sở hữu và các giấy tờ có liên quan của tài sản;

d) Bồi thường cho bên mua và cho thuê lại những thiệt hại phát sinh do các tranh chấp liên quan đến tài sản và quyền sở hữu tài sản của bên bán và thuê lại;

đ) Thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng mua tài sản.

3. Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại điểm a, b khoản này, bên mua và cho thuê lại và bên bán và thuê lại còn có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 31. Quy định chuyển tiếp**

Đối với các hợp đồng cho thuê tài chính được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, bên cho thuê tài chính và bên thuê tài chính được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cho thuê tài chính. Trường hợp nếu sửa đổi, bổ sung, hợp đồng cho thuê tài chính phải phù hợp với các quy định của Thông tư này.

**Điều 32**

Bãi bỏ các quy định sau:

1. Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 01/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 15/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

4. Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 15/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

**Điều 33. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024.

**Điều 34. Tổ chức thực hiện**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng căn cứ Thông tư này để ban hành quy định nội bộ về hoạt động cho thuê tài chính.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Chánh Thanh tra giám sát, ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng phi ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- Như Điều 33;- Ban lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Lưu VT, PC, TDCNKT (5b). |  **THỐNG ĐỐC** |